

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Nguyễn Phương Hạnh, Nguyễn Thị Thu,

Trưởng đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

Ngày nhận bài: 22/10/2019

Ngày nhận bài sửa: 05/11/2019

Ngày duyệt đăng: 24/02/2020

Tóm tắt: Thuế tiêu thụ đặc biệt là một sắc thuế quan trọng trong hệ thống thuế tiêu dùng. Do các loại hàng hóa, dịch vụ chịu thuế Thuế tiêu thụ đặc biệt có khối lượng tiêu thụ lớn, ít người sản xuất, lượng cầu ít biến động, dễ xác định và ít có khả năng thay thế. Trong khi đó, chi phí thu thuế Thuế tiêu thụ đặc biệt không lớn. Vì vậy, thuế Thuế tiêu thụ đặc biệt tạo nguồn thu đáng kể trong ngân sách nhà nước.

Thuế tiêu thụ đặc biệt phải đảm bảo tính đồng bộ, liên hoàn với các sắc thuế tiêu dùng khác trong hệ thống thuế bởi vì thuế Thuế tiêu thụ đặc biệt có mối quan hệ chặt chẽ với các sắc thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, nhập khẩu... Do đó, thuế Thuế tiêu thụ đặc biệt có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các chiến lược và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Từ khóa: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất, ngân sách nhà nước

INTERNATIONAL EXPERIENCE IN SPECIAL CONSUMPTION TAX

Abstract: Excise tax is an important tax in the consumption tax system. Due to excise tax on goods and services has a large volume of consumption, few producers, less volatile demand, easy to identify and less likely to replace. Meanwhile, the cost of collecting special consumption tax is not large. Therefore, excise tax creates a significant revenue in the state budget.

The excise tax must be consistent with other consumer taxes in the tax system because the excise tax has a close relationship with value-added taxes and taxes, import, export... Therefore, excise tax has a great influence on the implementation of socio-economic development strategies and objectives.

Keywords: Excise tax, Tax rate, State budget

1. Chính sách thuế TTĐB ở các nước

Tham khảo kinh nghiệm các nước cho thấy thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được áp dụng ở hầu hết các nước trên thế giới với tên gọi có thể khác nhau, thông thường, chính sách thuế TTĐB được quy định trong một văn bản luật duy nhất, song cũng có nước tách riêng thành các sắc thuế đối với các hàng hóa, dịch vụ khác nhau. Khi tìm hiểu về thuế TTĐB, cần chú ý đến đối tượng chịu thuế, phương thức đánh thuế và mức thuế suất.

Về đối tượng chịu thuế

Nhìn chung, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB thường có các đặc

điểm sau: (i) Là các hàng hóa, dịch vụ cao cấp, đắt tiền; (ii) Cầu của những hàng hóa, dịch vụ này ít co giãn so với giá cả; (iii) Hàng hóa có hại cho sức khỏe, có ảnh hưởng không tốt đến môi trường hay gây lãng phí cho xã hội. Đối tượng chịu thuế TTĐB ở các nước khá đa dạng, thường là hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng và hàng hóa, dịch vụ cao cấp, xa xỉ. Phạm vi hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB ở các nước cũng rất khác nhau. Ở nhiều nước, đặc biệt là các quốc gia châu Á, ví dụ như Thái Lan, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, số lượng nhóm các loại hàng hóa dịch vụ chịu thuế TTĐB khá nhiều. Nhìn chung, quan điểm xác

định các nhóm hàng hóa hay dịch vụ chịu thuế có sự khác biệt khá lớn giữa các nước. Tuy nhiên, khảo sát chung kinh nghiệm của các nước cho thấy có 4 nhóm hàng hóa cơ bản mà pháp luật thuế TTDB ở hầu hết các nước quy định là đối tượng chịu thuế: (1) các sản phẩm thuốc lá; (2) các sản phẩm đồ uống có cồn (rượu, bia); (3) các sản phẩm dầu mỏ (xăng, dầu) và (4) Casino. Bên cạnh đó, mặt hàng cũng được nhiều nước đánh thuế TTDB là ô tô (đặc biệt là ở các nước trong khu vực châu Á như Trung Quốc, Đài Loan và tất cả các nước Đông Nam Á, các nước châu Âu thường đánh thuế xe dựa trên lượng khí thải CO2 thoát ra).

Nhiều nước đã và đang mở rộng đối tượng chịu thuế TTDB nhằm hạn chế (không khuyến khích) việc tiêu dùng một số loại hàng hóa mà theo quan điểm của họ là có hại cho sức khỏe hoặc nhà nước cần có sự điều tiết về tiêu dùng (như nước ngọt có ga, đồ ăn nhanh, sô-cô-la). Một số nước áp dụng thuế TTDB đối với nước hoa (như Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a), mỹ phẩm (như Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a). Thậm chí có nước như Phần Lan áp dụng thuế TTDB đối với kem, kẹo.

Cụ thể danh mục hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTDB ở một số nước như sau:

- Trung Quốc: 14 nhóm hàng hóa: thuốc lá; đồ uống có cồn; mỹ phẩm; đồ trang sức và đá quý; pháo hoa; sản phẩm xăng dầu; lốp ô tô; xe máy; ô tô; bóng chơi gôn và dụng cụ chơi gôn; đồng hồ đeo tay cao cấp; thuyền sử dụng trong du thuyền, dứa gỗ dùng một lần; sản gỗ.

- Thái Lan: Theo Luật thuế của Thái Lan có 20 nhóm hàng hóa và dịch vụ, trong đó bao gồm: Dầu mỏ và các sản phẩm từ dầu mỏ; nước ngọt có ga, nước khoáng nhân tạo, nước hoa quả nhân tạo...; thiết bị điện tử; sản phẩm bằng pha lê; ô tô; du thuyền; nước hoa và mỹ phẩm; thảm sàn và vật liệu trải sàn làm bằng lông động vật; xe máy; pin; sản nhày và hộp đồng; massage và tắm kiểu Thổ Nhĩ Kỳ; các khóa học về đua ngựa; thu nhập từ hoạt động xổ số; dịch vụ viễn thông (hiện không thu); rượu, bia; thuốc lá; bài chơi poker. . So với nhiều nước trong khu vực cũng như trên thế giới, Thái Lan là quốc gia có số lượng hàng

hóa và dịch vụ chịu thuế TTDB khá nhiều.

- In-đô-nê-xi-a: Nước hoa; sản phẩm mỹ phẩm cho da và tóc; thiết bị gia đình sang trọng sử dụng năng lượng điện, pin hoặc khí gas; các thiết bị chụp ảnh và điện ảnh, máy quay phim, máy ảnh kỹ thuật số; nhạc cụ; máy phát và thu; nhà sang trọng, căn hộ, chung cư cao tầng, tòa nhà; các thiết bị gia dụng cao cấp sử dụng điện, pin hoặc khí gas, thiết bị sử dụng cho mục đích vui chơi giải trí không bao gồm các loại chịu thuế 10%; sản phẩm và trò chơi thể thao; quần áo và sản phẩm làm bằng da; vali, túi xách, hộp, ví với giá trị nhập khẩu hơn 500.000 Rp; đồng hồ treo tường, đồng hồ đeo tay; thảm làm bằng vật liệu theo quy định; đồ uống có cồn, đồ uống có hương vị lên men; tàu, tàu thuyền và du thuyền; máy bay; súng, vũ khí, ngoại trừ sử dụng cho quốc gia; sản phẩm làm bằng pha lê, đá cẩm thạch hoặc đá granite; sản phẩm làm bằng đá quý, ngọc trai, kim cương; xe ô tô.

- Phi-lip-pin: Các sản phẩm chịu thuế TTDB bao gồm: rượu; sản phẩm thuốc lá các loại; dầu mỡ và các sản phẩm nhiên liệu khác; khoáng sản; đồ trang sức (kể cả hàng mỹ kỹ); ngọc trai, đá quý; nước hoa; du thuyền và tàu thuyền cho mục đích giải trí; sản phẩm từ khoáng sản; ô tô.

- Campuchia: Gồm 10 nhóm hàng hóa và 2 nhóm dịch vụ: Nhiên liệu diesel; chất bôi trơn, dầu phanh, nguyên liệu sản xuất dầu động cơ; xe máy với công suất hơn 125cc; vé máy bay trong nước và quốc tế được bán tại Campuchia; nước ngọt có ga không cồn và tương tự; thuốc lá điếu; dịch vụ giải trí bao gồm Spa; dịch vụ viễn thông trong nước và quốc tế; sẫm, lốp xe ô tô; xi gà; bia (sản xuất trong nước); bia (nhập khẩu); rượu vang.

- Pháp: Tương tự như nhiều nước phát triển, danh mục hàng hóa chịu thuế TTDB ở Pháp bao gồm 3 nhóm chính: rượu, bia; thuốc lá và sản phẩm xăng dầu. Từ ngày 01/01/2013, nước ngọt có ga được đưa vào diện chịu thuế TTDB.

- Nam Phi: Nước uống có cồn; thuốc lá; nước hoa và nước vệ sinh; sản phẩm làm đẹp và chế phẩm chăm sóc da; pháo hoa; đồ may mặc hoặc quần áo phụ kiện từ da lông nhân tạo hoặc nguyên chất; máy điều hoà không khí

cho các toà nhà; tủ lạnh hoặc tủ đá; điện thoại không dây, loa phóng thanh và bộ khuếch đại, sản phẩm ghi âm, ghi hình và điện thoại di động; camera ghi hình ảnh, camera có ghi âm và máy ảnh kỹ thuật số; sản phẩm vô tuyến thu thanh nội địa, máy thu truyền hình, màn hình video và máy chiếu video; xe có động cơ; xe; súng; bóng chơi golf; nhiên liệu.

Về phương pháp đánh thuế

Phương pháp đánh thuế TTĐB ở các nước có sự khác biệt, song về cơ bản có ba phương thức đánh thuế chủ yếu: (1) Áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm; (2) Áp dụng mức thu tuyệt đối; và (3) Áp dụng đồng thời cả thuế suất theo tỷ lệ phần trăm và mức thu tuyệt đối (phương thức hỗn hợp).

Xu hướng hiện nay của các nước là sử dụng đồng thời các phương pháp này, tùy theo từng

mặt hàng cụ thể (như các nước trong khu vực: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc....), đặc biệt là đối với các mặt hàng thuốc lá, rượu, bia. Đối với các mặt hàng có giá trị lớn như ô tô thì hầu hết các nước đều sử dụng phương pháp tính theo thuế suất tỷ lệ phần trăm (Trung Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin..).

Đồng thời, có quốc gia quy định kết hợp cả mức thuế tuyệt đối và mức thuế theo tỷ lệ phần trăm song khi thu thuế thì áp dụng theo thuế tuyệt đối hoặc là theo thuế suất theo tỷ lệ phần trăm, tùy thuộc vào cách tính nào dẫn đến nghĩa vụ thuế phải nộp cao hơn (trường hợp Thái Lan đối với mặt hàng rượu hay Thổ Nhĩ Kỳ đối với mặt hàng thuốc lá).

Ngoài ra, có một số quốc gia, có sản phẩm chịu thuế TTĐB theo biểu thuế lũy tiến theo giá trị bán ra của hàng hóa (ví dụ như mặt hàng ô

Bảng 1: Thuế suất TTĐB đối với rượu, bia ở một số nước

| Quốc gia | Thuế suất theo tỷ lệ % | Mức thu tuyệt đối | Kết hợp thuế suất theo tỷ lệ % và thu theo mức tuyệt đối |
|------------|-------------------------------|--|--|
| Nhật Bản | | 20.000 yên cho đến 390.000 yên trên 1.000 lít rượu, bia (còn áp dụng thuế suất đối với mỗi 1% alcohol tăng thêm ở mỗi loại rượu) | |
| Hàn Quốc | mức thuế suất tương đối (72%) | | |
| Trung Quốc | | 250 NDT/tấn bia | |
| Thái Lan | | Rượu nhập khẩu có giá hơn 1.000 baht sẽ chịu thuế 110 baht/chai; rượu sản xuất nội địa là 25 baht/chai. Bia chịu mức thuế hơn 2,66 baht/chai. Đối với các loại bia có mức giá cao hơn, mức thuế sẽ giảm còn từ 0,99 - 2 baht. | |
| Singapore | | 88 đôla Singapore/lít rượu | |
| Malaysia | | 7,4 ringgit/lít bia cộng thêm 15% thuế giá trị | |

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

tô, thuốc lá, rượu, bia ... ở Phi-lip-pin).

Về mức thuế suất

Các nước cũng có quy định về mức thuế suất khác nhau cho các loại đối tượng chịu thuế khác nhau. Xét về mức thuế TTĐB được cấu thành vào giá trung bình, theo khuyến cáo của

58,46% trong cấu thành giá⁶.

Nhóm mặt hàng rượu, bia: đây là nhóm hàng hóa mà tất cả các quốc gia đều đánh thuế khá cao, bởi theo cảnh báo uống nhiều bia, rượu sẽ gây hại cho sức khỏe, đồng thời còn gây các hệ lụy không mong muốn khác như tại

Bảng 2: Thuế suất TTĐB đối với nước ngọt, đồ uống không cồn ở một số nước

| Quốc gia | Thuế suất theo tỷ lệ % | Mức thu tuyệt đối | Kết hợp thuế suất theo tỷ lệ % và thu theo mức tuyệt đối |
|-----------|--|---|--|
| Pháp | | 0,72EUR/lít | |
| Phần Lan | | 0,075 EUR/lít | |
| Hungary | | 0,04 EUR/chai hoặc lon | |
| Latvia | | 7,4 Euro/100 lít và 142,29 Euro/100 kg cà phê | |
| Hà Lan | | 0,09 USD/lít nước ngọt, 0,07 USD/lít nước rau, hoa quả; 0,067 USD/lít nước khoáng | |
| Thái Lan | | | 25% hoặc 0,024 USD/chai 440cc đối với nước ngọt có ga, không cồn |
| Lào | 5% với nước ngọt có ga, không cồn và 10% với nước tăng lực | | |
| Campuchia | 10% đối với nước ngọt có ga, không cồn | | |
| Myanmar | 5% đối với nước ngọt có ga, không cồn | | |

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Tổ chức Y tế Thế giới, từ 60 - 85%, hiện nay các nước vẫn thấp hơn mức khuyến cáo này, ví dụ: ở Trung Quốc thuế tuyệt đối chiếm 0,8%, thuế tương đối chiếm 25,12%, tức tổng thuế tiêu thụ chiếm 25,92% cấu thành giá; Ở Hàn Quốc, thuế tiêu thụ cấu thành vào giá chiếm 50,87%; Ở Nhật Bản, thuế TTĐB chiếm

nặng giao thông, tiêu tốn nguồn lực xã hội. Mức thuế suất đối với rượu, bia được quy định cụ thể như sau:

Tuy nhiên, đối với rượu vang, xu hướng

⁶ Nguồn: WHO report on the global tobacco epidemic, 2013

chung trong việc đánh thuế thường là mức thuế suất thấp hơn mức thông thường, bởi theo đánh giá của các nước thì uống rượu vang vừa phải sẽ tốt cho sức khỏe.

Đối với nước ngọt hay nước giải khát không cồn (non alcoholic beverages) thường bao gồm nước ngọt có ga, nước ngọt không có ga, nước ép trái cây, nước có hương vị trái cây, nước tinh khiết, nước khoáng có ga và không ga... Khảo sát kinh nghiệm quốc tế cho thấy đến nay đã có nhiều nước thực hiện thu thuế TTĐB đối với nước ngọt có ga không cồn vì cho rằng loại đồ uống này có chứa đường, hương liệu, chất bảo quản, các-bô-nát... có tác hại đối với sức khỏe con người (nguy cơ béo phì, tiểu đường, bệnh về đường tiêu hóa, răng miệng, bệnh gút...). Các nước Liên minh châu Âu (EU) áp dụng cách tuyệt đối, trong khi các

về mức thuế suất TTĐB như sau:

Đối với thuốc lá. Do tác hại đối với sức khỏe người sử dụng nên thuốc lá là loại hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB ở đại đa số nước với mức điều tiết rất cao. Theo nghiên cứu của Tổ chức y tế thế giới (WHO), tính trung bình, một mức tăng giá 10% trên một gói thuốc lá sẽ được dự kiến sẽ giảm nhu cầu đối với thuốc lá tăng khoảng 4% ở các nước có thu nhập cao và khoảng 5% ở các nước thu nhập thấp và thu nhập trung bình⁷. Theo WHO, khoảng 90% số nước (163 trên 182 nước tại thời điểm điều tra) áp dụng thuế TTĐB đối với thuốc lá điều.

Đề phòng chống tác hại của thuốc lá, WHO và WB khuyến nghị tỷ trọng thuế tiêu dùng nên từ 66% đến 80% (từ 2/3 đến 3/4) trong giá bán lẻ. Tuy nhiên, ở các khu vực khác nhau có

Bảng 3. Thuế suất thuế TTĐB đối với thuốc lá ở một số nước

| Quốc gia | Thuế suất theo tỷ lệ % | Mức thu tuyệt đối | Kết hợp thuế suất theo tỷ lệ % và thu theo mức tuyệt đối |
|-------------|------------------------|-----------------------|--|
| Campuchia | 10% | | |
| Lào | 60% | | |
| Myanmar | 100% | | |
| Brunei | | 0,2 USD/điếu | |
| Indonesia | | 0,008 - 0,04 USD/điếu | |
| Philippines | | 0,12 - 0,58 USD/điếu | |
| Singapore | | 0,352 USD/điếu | |
| Hàn Quốc | | 0,03 USD/điếu | |
| Malaysia | | | 20% + 0,04 USD/điếu |
| Thái Lan | | | 87% + 0,03 USD/gam |
| Trung Quốc | | | 56% + 0,003 NDT/điếu |

(Nguồn: Bộ Tài chính)

nước thành viên ASEAN lại sử dụng cách thu thuế theo tỷ lệ phần trăm đối với mật hàng này, có nước kết hợp cả hai hình thức. Cụ thể

<http://www.who.int/tobacco/economics/taxation/en/>

sự khác biệt rõ rệt, theo đó, nhiều nước có tỷ trọng thuế thuốc lá trên giá bán khá cao (đạt chuẩn của WHO và WB) song ở nhiều nước tỷ trọng này khá thấp. Chẳng hạn, tỷ trọng thuế thuốc lá ở Ma-đa-ga-xca là 59,7% trong khi đó ở Bê-Nanh là 6,4%. Trong ASEAN, năm 2010, trung bình tỷ lệ phần trăm của thuế thuốc lá trên giá bán lẻ của mỗi bao thuốc lá ở Thái Lan là 70%; Singapore là 69%; In-đô-nê-xi-a: 52%; Myanmar: 50%; Ma-lai-xi-a: 45%..., thấp nhất là Cam-pu-chia (8,0%). Ở các nước phát triển thì tỷ trọng thuế trong giá bán lẻ rất cao như: Úc 62%, Đức 75%, Pháp 80%...

Đối với xe ô tô vừa chạy bằng xăng kết hợp với năng lượng điện. Nhằm góp phần sử dụng năng lượng hiệu quả, bảo vệ môi trường, thúc đẩy việc sử dụng các phương tiện giao thông sạch hơn, một số nước áp dụng chính sách ưu đãi về thuế TTĐB đối với các phương tiện sử dụng năng lượng thân thiện với môi

xilanh⁸. Đạo luật số 884 năm 2014 của Puerto Rico về Khuyến khích các phương tiện giao thông sử dụng điện đã quy định miễn thuế TTĐB đối với xe hybrid và xe điện. Tại Mỹ, chính quyền liên bang áp dụng chính sách khấu trừ thuế (tax credit) đối với người mua mới xe hybrid hoặc xe điện với mức khấu trừ từ 2.500 USD đến 7.500 USD tùy theo dung lượng pin. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp các dịch vụ liên quan cũng áp dụng nhiều chính sách để khuyến khích việc sử dụng xe hybrid và xe điện như giảm giá điện cho việc sạc pin, giảm chi phí mua bảo hiểm xe. Ngoài ra, chính quyền của nhiều bang (26 bang) đã áp dụng chính sách ưu đãi (miễn/giảm thuế TTĐB, khấu trừ thuế, hoàn tiền, giảm phí đăng ký, giảm phí đỗ xe, hỗ trợ việc lắp đặt các trạm sạc điện...) nhằm khuyến khích việc mua và sử dụng xe hybrid và xe điện⁹...

Đối với xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (xe pick-up). Tham khảo kinh nghiệm

Bảng 4. Thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng của một số nước ASEAN

| Quốc gia | Mức thuế suất thuế TTĐB | Ghi chú |
|---------------|-------------------------|---|
| In-đô-nê-xi-a | 30 – 75% | Xe có dung tích xi-lanh từ 1.500 cc trở xuống, chịu mức thuế suất 30%;... xe bán tải có dung tích xi-lanh trên 3.000 cc, chịu mức thuế suất 75% |
| Brunei | 20% | |
| Lào | 20% | |
| Singapore | 20% | |
| Thái Lan | 30%-50% | Xe có dung tích xi-lanh từ 2.000 cc trở xuống, chịu mức thuế suất 30%; ...xe có dung tích xi-lanh trên 3.000 cc, chịu mức thuế suất 50%. |
| Việt Nam | 15% | |

Nguồn: Preece 2012. "Excise taxation of key commodities across South East Asia: A comparative analysis ahead of the ASEAN Economic Community in 2015"

trường như xe ô tô lai (hybrid) hoặc xe ô tô điện. Cụ thể: Thái Lan áp dụng mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe hybrid thấp hơn 5% so với xe ô tô thông thường cùng dung tích

http://www.thaiauto.or.th/2012/news/news-detail.asp?news_id=3198

⁹ <http://www.dmv.org/washington-dc/green-driver-state-incentives.php>

của một số nước cho thấy nhiều nước áp dụng thuế TTĐB đối với ô tô vừa chờ người, vừa chờ hàng, đặc biệt là trong khu vực ASEAN và Trung Quốc. Tuy nhiên, mức thu và phương thức thu của các nước có sự khác biệt. Hầu hết các nước đều áp dụng phương thức thu theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị (bao gồm cả thuế GTGT, thuế nhập khẩu nếu có). Trong đó, có quốc gia thay đổi mức thuế suất theo dung tích xi – lanh hoặc công suất của xe. Cụ thể:

2. Gợi ý khuyến nghị chính sách thuế TTĐB ở Việt Nam

Thuế TTĐB là một công cụ quan trọng trong việc điều hành chính sách vĩ mô của Nhà nước, đồng thời có tác động lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như đời sống của nhân dân. Do đó, việc thay đổi chính sách cần hết sức thận trọng, thông qua việc đánh giá tác động đến kinh tế xã hội đất nước, cũng như xem xét phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế lâu dài, đồng thời cần nhắc khả năng “chịu đựng” của các chủ thể nộp thuế...qua đó đưa ra quyết định nên mở rộng hay thu hẹp đối tượng chịu thuế, thay đổi cách tính thuế và tăng hay giảm mức thuế suất. Việc thay đổi chính sách thuế cũng cần quan tâm đến xu thế thay đổi của chính sách thuế trên thế giới, việc này kết hợp với các giải pháp khác sẽ tạo sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân chịu tác động của việc thay đổi này.

Qua việc tìm hiểu kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về chính sách thuế TTĐB, kết hợp với thực trạng nền kinh tế, tác giả đề xuất một số khuyến nghị trên 3 khía cạnh quan trọng của chính sách thuế TTĐB trong thời gian tới bao gồm: đối tượng chịu thuế, phương pháp đánh thuế và mức thuế suất.

Về đối tượng chịu thuế

Về đối tượng chịu thuế, hiện Luật Thuế TTĐB số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 tập trung vào 11 loại hàng hóa (Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để

hút, hít, nhai, ngửi, ngậm; Rượu; Bia; Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chờ người, vừa chờ hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chờ người và khoang chờ hàng; Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125cm³; Tàu bay, du thuyền; Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế phẩm khác để pha chế xăng; Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống; Bài lá; Vàng mã, hàng mã), 6 loại dịch vụ (Kinh doanh vũ trường; Kinh doanh mát-xa (massage), ka-ra-ô-kê (karaoke); Kinh doanh ca-si-nô (casino); trò chơi điện tử có thưởng bao gồm trò chơi bằng máy giắc-pốt (jackpot), máy sê-lot (slot) và các loại máy tương tự; Kinh doanh dịch cược; Kinh doanh gôn (golf) bao gồm bán thẻ hội viên, vé chơi gôn; Kinh doanh xổ số). Nhìn chung, đối tượng chịu thuế TTĐB ở Việt Nam so với các nước trên thế giới còn khá hạn hẹp. Bên cạnh đó, theo Báo cáo cân đối ngân sách của Bộ Tài chính năm 2018, nguồn thu từ thuế TTĐB ước đạt 124.181 tỷ đồng, chỉ chiếm 12,5% tổng thu từ thuế và 9,4% tổng thu từ NSNN¹⁰. Trong khi mức nợ công năm 2018 đang ở mức 58,4% GDP¹¹, tuy có giảm và còn thấp hơn mức trần mà Quốc hội quy định nhưng vẫn còn là mức cao. Do vậy, thời gian tới có thể cân nhắc đưa thêm một số loại hàng hóa, dịch vụ vào diện chịu thuế như: (1) sản phẩm cao cấp: đồ trang sức và đá quý, đồng hồ đeo tay cao cấp, mỹ phẩm, nước hoa cao cấp, gạt nài, sữa ong chúa, sản phẩm từ da

¹⁰https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/bt/c/r/lvtc/slnsnn/sltn/duotoan?_afLoop=70574315676112747#1%40%40%3F_afLoop%3D70574315676112747%26centerWidth%3D100%2525%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3Dkdp1f4khh_45

¹¹ <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thoisu/2019-06-10/no-cong-dang-duoc-kiem-soat-chat-che-72501.aspx>

lồng thú, thảm cao cấp hay đồ nội thất sang trọng; (2) sản phẩm điện lạnh, điện máy với mức tiêu thụ năng lượng lớn; (3) dịch vụ cao cấp như: salon, khách sạn, vũ trường. Xét từ góc độ thông lệ quốc tế, thuế tiêu thụ đặc biệt thường được các quốc gia đánh vào hàng hóa, dịch vụ xa xỉ, hoặc gây tổn hại sức khỏe, hoặc có ảnh hưởng xấu tới môi trường.

Cách đánh thuế

Thuế TTĐB tại Việt Nam là loại thuế chủ yếu tính theo phương pháp thuế suất theo tỷ lệ phần trăm (không tính theo đơn vị hàng hóa: lít, kg, chiếc...). Việc này lại chưa phục vụ tốt nhất cho mục tiêu điều tiết, định hướng tiêu dùng. Đối với những loại hàng hóa, dịch vụ có giá cả biến động nhiều thì việc tính toán thuế và việc đối chiếu giữa các kỳ nộp thuế trở nên phức tạp. Thuế đối với mặt hàng xe ô tô nên phân biệt theo mục đích sử dụng (kinh doanh hay không kinh doanh), để điều tiết thu nhập cá nhân.

Qua phân tích, tìm hiểu kinh nghiệm các nước có thể thấy trong hai hình thức đánh thuế chủ yếu đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB, thuế tuyệt đối có nhiều ưu điểm hơn so với thuế tương đối như: đơn giản và dễ quản lý vì đánh trên một khối lượng cụ thể nên dễ xác định hơn, vì vậy tránh khả năng thất thoát về thuế, làm tăng nguồn thu cho NSNN; Nguồn thu NSNN của Chính phủ mang tính ổn định và dễ dự đoán hơn vì khối lượng hàng hóa tiêu thụ có thể dự đoán được dễ dàng hơn; (iii) Khuyến khích các sản phẩm cạnh tranh về chất lượng, giá cả, hơn là chỉ cạnh tranh về giá mà không quan tâm tới chất lượng sản phẩm và mức độ ảnh hưởng của sản phẩm tới sức khỏe người dùng; (iv) Có thể khắc phục được nhược điểm về ảnh hưởng của yếu tố lạm phát tới nguồn thu bằng cách thiết kế chính sách thuế gắn với mức độ lạm phát của nền kinh tế. Thời gian tới, có thể nghiên cứu việc chuyển sang đánh thuế theo hình thức tuyệt đối với một số hàng hóa, dịch vụ.

Mức thuế suất

Đối với tùy loại sản phẩm, dịch vụ có sự thay đổi phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể. Theo quy định tại Điều 7, Luật số 70/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, mức thuế suất với sản phẩm rượu hiện nay đang là 65% (với nồng độ cồn trên 20%) và 35% (với nồng độ cồn dưới 20%) và với bia là 65%. Theo báo cáo mới nhất của Bộ Tài chính, năm 2017, số thu từ mặt hàng rượu là khoảng 342 tỷ đồng; năm 2018 là 415 tỷ đồng, với bia, năm 2017 thu 43.153 tỷ đồng và năm 2018 là 32.154 tỷ đồng¹², đây là số thu không hề nhỏ cho NSNN. Ngoài ra, ngày 14/6/2019, Quốc hội đã thông qua Luật phòng chống tác hại của rượu, bia trong đó quy định “người đã uống rượu, bia không được điều khiển giao thông”, trong bối cảnh năm 2018 Việt Nam tiêu thụ hơn 4 tỷ lít bia/năm (đứng thứ 3 trong khu vực châu Á sau Hàn Quốc, Nhật Bản) thì việc tăng thuế đối với rượu, bia sẽ thực hiện được mục tiêu tăng thu cho NSNN, giảm tai nạn giao thông do uống rượu, bia... Ngoài ra, đối với mặt hàng rượu, nên áp dụng một dòng thuế riêng đối với rượu có nồng độ cồn từ 85% trở lên và áp dụng mức thuế suất thấp đối với rượu vang trái cây, vì sản phẩm này nếu sử dụng đúng mức sẽ có lợi cho sức khỏe của người tiêu dùng. Tuy nhiên, việc tăng thuế nên thực hiện theo lộ trình, về mức thuế tăng và thời gian tăng.

Đối với thuế suất thuế TTĐB với thuốc lá, theo quy định mức thuế đang áp dụng là 75%, tuy nhiên hiện Việt Nam có tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ thuốc lá thấp: 44,9% trong khi đó tỷ lệ thuế trên giá bán lẻ tại các nước trong khu vực

“
<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/nhiep-song-tai-chinh/2019-04-06/tp-ho-chi-minh-co-co-so-de-de-xuat-tang-thue-doi-voi-ruou-bia-69788.aspx>

là: Bru-nây 81%, Thái Lan 70%, Sing-ga-po 69%, Ma-lai-xi-a 57%, In-đo-ne-xi-a 51%, Mi-an-ma 50%; và các nước phát triển Úc: 62%, Đức: 75%, Pháp 80%... Bên cạnh đó, hút thuốc lá gây nhiều tác hại về sức khỏe cho người dân và thiệt hại về kinh tế lớn. Do vậy, đề xuất tăng thuế đối với thuốc lá trong thời gian tới. Tuy nhiên, cần nghiên cứu kỹ lưỡng mức tăng và lộ trình thực hiện phù hợp, nhất là đối với mặt hàng thuốc lá thì cần cân nhắc thận trọng và tính toán một cách toàn diện tất cả các yếu tố tác động đến nó để đảm bảo việc tăng thuế là có hiệu quả, tránh

những tác động ngược.

Đối với xăng sinh học (E5), cần quy định mức thuế suất thuế TTĐB đối với xăng sinh học bằng 50% của mức thuế suất đối với xăng khoáng nhằm tạo sự chênh lệch đáng kể giữa xăng sinh học và xăng khoáng, qua đó khuyến khích sản xuất, tiêu dùng xăng sinh học E5, tăng cường bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cần tiếp tục duy trì và tăng mức thu của chính sách thuế TTĐB đối với xe ô tô, nhiên liệu hóa thạch nhằm hạn chế tiêu dùng các loại hàng hóa này./.

Tài liệu tham khảo

1. Wang Mingru, Tax Policy Department, MOF, China (2012). "Revenue Mobilization a Tax Policies in China".
2. Zhang Xuedan, RJP, MOF, PRC (2006). "Study on tax system reform in China".
3. Teh-wei Hu, Zhengzhong Mao, Jian Shi, and Wendong Chen (2010). "The role of taxation in tobacco control and its potential economic impact in China".
4. Tax bureau, Ministry of Finance (2010). "Comprehensive Handbook of Japanese Taxes 2010".
5. WHO report on the global tobacco epidemic (2013).
6. Decree of the State Council of the People's Republic of China No.539. The interim regulation on Consumption tax of the People's Republic of China is come into force on January 1, 2009.
7. Policy Research Institute Ministry of Finance Japan. (2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012). "Finance statistics of Japan".
8. Ministry of Strategy and Finance Korea (2012). "2012 Korea's taxation".
9. Joosung Jun (2009). "Korea's Tax system, A growth-Oriented choice".
10. OECD (2012). "Consumption tax trend 2012, VAT/GST and excise rates, trends and administration issues".